

Số: /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản
trên địa bàn tỉnh Hải Dương đợt 1 năm 2023**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;

*Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của
Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;*

*Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;*

*Căn cứ Nghị định 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy
định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chế hoạt động của Hội
đồng đấu giá quyền khai thác khoáng;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng
9 năm 2014 của liên bộ Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tài chính quy định
chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm
2012 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy
định tại Luật Đấu giá tài sản;*

*Căn cứ Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương
tại Tờ trình số 57/TTr-TNMT ngày 18 tháng 01 năm 2023; Thông báo số 24/TB-
UBND ngày 17 tháng 02 năm 2023 của UBND tỉnh Hải Dương.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản đợt 1 năm 2023 (Có Kế hoạch chi tiết kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu, trình UBND tỉnh quyết định giá khởi điểm, tiền đặt trước, bước giá để đấu giá quyền khai thác khoáng sản đợt 1 năm 2023; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản đã nêu tại Điều 1 Quyết định này theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu trình UBND tỉnh bổ sung kinh phí phục vụ công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản đợt 1 năm 2023; kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo các quy định về tài chính hiện hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Xây dựng, Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm CNTT - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (30b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lưu Văn Bản

KẾ HOẠCH

Đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hải Dương đợt 1 năm 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nhằm quản lý, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững, tăng hiệu quả kinh tế, giảm thiểu tác động đến môi trường. Đồng thời phát huy tiềm năng khoáng sản, thu hút đầu tư thăm dò và khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh, tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.

- Xác định rõ vai trò, trách nhiệm của sở, ngành liên quan; UBND huyện, thị xã, thành phố có khoáng sản; các tổ chức, cá nhân liên quan trong việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

2. Yêu cầu

- Đấu giá quyền khai thác khoáng sản được thực hiện theo nguyên tắc công khai, minh bạch, liên tục, bình đẳng, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia đấu giá.

- Thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản đảm bảo đúng quy định của pháp luật về đấu giá được quy định tại Luật đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 và Nghị định số 158/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tài chính.

II. NỘI DUNG

1. Các khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản đợt 1 năm 2023

Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường: 05 khu vực.

(có danh sách chi tiết kèm theo)

2. Phương thức tiến hành

Nguyên tắc, điều kiện, thủ tục đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định của Luật Đấu giá tài sản năm 2016, Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ Quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của liên Bộ Tài nguyên và Môi trường.

trường, Bộ Tài chính hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 22/2012/NĐ-CP và một số văn bản quy phạm khác.

Cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản do tổ chức đấu giá chuyên nghiệp điều hành. Cơ quan thường trực chuẩn bị hồ sơ, tài liệu trước và sau cuộc đấu giá là Sở Tài nguyên và Môi trường.

Trong trường hợp mỏ có cấu trúc địa chất phức tạp hoặc không thuê được tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp, giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì tham mưu UBND tỉnh thành lập Hội đồng đấu giá để tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

3. Thời gian thực hiện

Thực hiện công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản trong năm 2023. Trường hợp khu vực nào chưa thực hiện được công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản trong năm 2023 sẽ được chuyển sang đấu giá quyền khai thác khoáng sản trong các năm tiếp theo.

Thời gian tổ chức đấu giá tối đa 135 ngày, gồm các việc chính sau:

- Lập kế hoạch và thông báo khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản.
- Lập, trình UBND tỉnh phê duyệt hồ sơ mời đấu giá.
- Tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản: 30 ngày.
- Thông báo, đăng tải thông tin về phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản: 30 ngày.
- Thẩm định, xét chọn hồ sơ đề nghị tham gia phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản; thông báo công khai danh sách tổ chức, cá nhân được tham gia phiên đấu giá: 30 ngày.
- Hợp đồng với tổ chức bán đấu giá để tổ chức đấu giá; tổ chức phiên đấu giá: 30 ngày.
- Phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản: 10 ngày.
- Thông báo kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản: 05 ngày.

4. Kinh phí thực hiện

Theo quy định tại Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của liên Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Thông báo và đăng tải công khai danh mục khu vực có khoáng sản đưa ra đấu giá, Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản đã được UBND tỉnh phê duyệt trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường và trang thông tin điện tử của UBND tỉnh.

- Lập hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản.
- Lập dự toán kinh phí phục vụ công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản gửi Sở Tài chính thẩm định theo quy định.
- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành, đơn vị có liên quan xác định, trình UBND tỉnh phê duyệt giá khởi điểm, tiền đặt trước, bước giá đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định.
- Thông báo công khai thông tin về phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại trụ sở của Sở và đăng tải trên trang thông tin điện tử của UBND tỉnh. Thời gian thông báo và đăng tải thông tin liên tục trong 30 ngày trước ngày bắt đầu tiếp nhận hồ sơ đấu giá quyền khai thác khoáng sản; đăng tải công khai trên Báo Hải Dương, Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Dương ít nhất 02 lần, mỗi lần cách nhau 03 ngày.
- Chủ trì xây dựng tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản theo quy định tại Điều 56 Luật Đấu giá tài sản năm 2016; lựa chọn và ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức đấu giá tài sản.
- Lựa chọn tổ chức, cá nhân đủ điều kiện tham gia cuộc đấu giá; cung cấp thông tin về khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản và chuyển hồ sơ đấu giá của các tổ chức, cá nhân được xét chọn tham gia đấu giá cho tổ chức đấu giá chuyên nghiệp. Thời gian xét chọn không quá 30 ngày kể từ ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá; đối với hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản không được xét chọn, Sở Tài nguyên và Môi trường phải thông báo cho tổ chức, cá nhân liên quan bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do không được xét chọn.
- Thông báo công khai danh sách tổ chức, cá nhân được tham gia phiên đấu giá tại trụ sở của Sở, đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở và trang thông tin điện tử của UBND tỉnh trước khi tiến hành phiên đấu giá; thông báo bằng văn bản về thời gian, địa điểm họp trao đổi về các thông tin liên quan đến cuộc đấu giá; thời điểm khảo sát thực địa khu vực đấu giá; thời gian nộp phí tham gia đấu giá và tiền đặt trước cho tổ chức, cá nhân được tham gia phiên đấu giá.
- Thông báo công khai kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại trụ sở của Sở và trang thông tin điện tử của UBND tỉnh ngay sau khi kết thúc phiên đấu giá. Thời gian thông báo và đăng tải công khai kết quả trúng đấu giá là 05 ngày kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá.
- Tổng hợp hồ sơ, trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả trúng đấu giá trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản.
- Chủ trì xác định, trình UBND tỉnh phê duyệt tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản. Trước khi cấp phép khai thác, Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản thông báo cho Cục Thuế tỉnh về số lần nộp tiền và thời gian thu tiền trúng đấu giá của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản. Trường hợp thu nhiều lần, Sở Tài nguyên và Môi trường phải thông báo bằng văn bản số tiền phải nộp của kỳ tiếp theo trước 10 ngày kể

từ ngày phải nộp tiền theo quy định cho Cục thuế tỉnh để thông báo cho tổ chức, cá nhân trúng đấu giá nộp tiền vào ngân sách nhà nước.

2. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ngành, đơn vị có liên quan xác định, trình UBND tỉnh phê duyệt giá khởi điểm, tiền đặt trước, bước giá đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, tham mưu trình UBND tỉnh bổ sung kinh phí phục vụ công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí phục vụ công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản đúng các quy định về tài chính hiện hành.

3. Sở Tư pháp

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan có liên quan lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản chuyên nghiệp điều hành cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Phối hợp xây dựng quy chế đấu giá, nội dung cuộc đấu giá, công khai quy trình giám sát thực hiện cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

- Tham gia Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản trong trường hợp đấu giá do Hội đồng đấu giá thực hiện.

4. Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Xây dựng, UBND các huyện, thị xã, thành phố nơi có khoáng sản đấu giá

- Phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao trong quá trình tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản và thực hiện các nội dung liên quan đến công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Tham gia Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản trong trường hợp đấu giá do Hội đồng đấu giá thực hiện.

5. Tổ chức đấu giá

- Bán hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản; tiếp nhận và trả tiền đặt trước của cuộc đấu giá theo quy định.

- Tổ chức phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tiếp nhận báo cáo kết quả xét chọn hồ sơ tham gia đấu giá và thông tin về khu vực đấu giá.

- Tổ chức phiên đấu giá theo đúng trình tự, nguyên tắc; chịu trách nhiệm về kết quả của phiên đấu giá.

- Chuyên kết quả đấu giá, biên bản đấu giá, danh sách người trúng đấu giá cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Bồi thường thiệt hại do lỗi của đấu giá viên và các nhân viên khác của tổ chức mình gây ra trong khi thực hiện phiên đấu giá. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo pháp luật về bán đấu giá.

6. Các tổ chức, cá nhân tham gia cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản

- Lập hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản, nộp về Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh. Thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản là 30 ngày kể từ ngày kết thúc thông báo thông tin về phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Chấp hành nghiêm nội quy cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Ký vào biên bản đấu giá ngay tại phiên đấu giá khi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này nếu có vướng mắc, các sở, ngành, địa phương và đơn vị có liên quan có văn bản gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

**DANH SÁCH CÁC KHU VỰC ĐÁU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC
KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỢT 1 NĂM 2023**
(Kèm theo Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản đợt 1 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

TT	Loại khoáng sản	Vị trí khu vực mỏ	Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trục 105 ⁰ 30', múi chiều 3 ⁰			Diện tích (ha)	Mức độ nghiên cứu	Mục tiêu trữ lượng
			Điểm góc	X (m)	Y(m)			
Khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản								
1	Đất đồi làm vật liệu san lấp	Mỏ đất đồi Hang Hồ làm vật liệu san lấp, phường Hoàng Tiến, thành phố Chí Linh	1	2339057	599092	10,3	Đã có kết quả thăm dò, phê duyệt trữ lượng khoáng sản	3,771 triệu m ³
			2	2339512	598967			
			3	2339271	599497			
			4	2339307	599307			
			5	2339057	599307			
2	Đất đồi làm vật liệu san lấp	Mỏ đất đồi Ông Sao làm vật liệu san lấp, phường Hoàng Tân và phường Bến Tắm, thành phố Chí Linh	1	2339750,46	598115,65	7,6	Đã có kết quả thăm dò, phê duyệt trữ lượng khoáng sản	1,168 triệu m ³
			2	2339136,46	598337,65			
			3	2339666,46	598343,65			
			4	2339620,46	598363,65			
			5	2339594,46	598315,65			
			6	2339478,46	598363,65			
			7	2339432,46	598345,65			
			8	2339412,46	598301,65			
			9	2339430,46	598219,65			

			10	2339412,46	598123,65			
			11	2339429,45	598063,61			
			12	2339597,10	598090,68			
			13	2339597,86	598171,10			
Khu vực chưa có kết quả thăm dò khoáng sản								
1	Đá xô bò (đá làm nguyên liệu sản xuất cát nghiền)	Mỏ đất, đá làm vật liệu XDTT (làm nguyên liệu sản xuất cát nhân tạo) tại đồi Đại Bộ phường Hoàng Tân và xã Bắc An TP. Chí Linh	1	2340590,00	595293,00	9,6599	Khảo sát	Từ hiện trạng đến cốt +5m (Hệ cao độ quốc gia). Trữ lượng dự tính: Đá cát kết: 1.081.908,8 m ³ ; Đất san lấp: 367.076,2 m ³
			2	2340373,00	595392,00			
			3	2340228,00	595687,00			
			4	2340494,00	595794,00			
2	Đá xô bò (đá làm nguyên liệu sản xuất cát nghiền)	Mỏ đất, đá làm vật liệu XDTT (làm nguyên liệu sản xuất cát nhân tạo) tại núi Trại Tường thuộc Phường Phả Lại, TP. Chí Linh	1	2337073,13	584498,27	11,16	Khảo sát	Từ hiện trạng đến cốt +7,5m (Hệ cao độ quốc gia). Trữ lượng dự tính: 2.059.171,3 m ³
			2	2337037,04	584715,94			
			3	2336899,87	584763,93			
			4	2336856,82	584707,85			
			5	2336805,55	584519,85			
			6	2336776,00	584461,68			
			7	2336781,44	584305,74			
			8	2336923,15	584316,42			
			9	2336957,83	584224,53			
			10	2337058,30	584327,81			

			<i>Vị trí 1 (74.000 m²)</i>					
3	Đá xô bò (đá làm nguyên liệu sản xuất gạch ngói)	Mỏ đất, đá làm vật liệu XDTT (làm nguyên liệu sản xuất gạch ngói) tại đồi Trại Mét và đồi Trại Quan, phường Bến Tắm, TP. Chí Linh	V1-01	2341241,475	599401,506	24,7	Khảo sát	Từ hiện trạng đến cột +15m (Hệ cao độ quốc gia). Trữ lượng dự tính: Đá sét, đá phiến sét: 3.391.332,4 m ³ ; đất san lấp: 459.586,9 m ³
			V1-02	2341232,118	599583,675			
			V1-03	2341197,340	599442,373			
			V1-04	2341166,273	599459,278			
			V1-05	2341107,876	599477,696			
			V1-06	2341096,292	599453,056			
			V1-07	2342022,120	599341,959			
			V1-08	2341061,202	599479,950			
			V1-09	2341056,107	599509,938			
			V1-10	2341040,095	599512,888			
			V1-11	2341015,243	599464,803			
			V1-12	2341014,273	599558,923			
			V1-13	2340933,060	599401,945			
			V1-14	2340794,422	599398,097			
			V1-15	2340823,335	599344,401			
			V1-16	2340859,698	599313,291			
			V1-17	2340875,832	599268,335			
			V1-18	2340896,947	599239,397			
			V1-19	2340902,026	599214,410			
			V1-20	2340912,348	599182,508			
			V1-21	2340900,842	599177,391			
			V1-22	2340918,531	599150,253			
			V1-23	2340965,316	599099,923			
			V1-24	2341017,816	599114,860			
			V1-25	2341037,343	599132,554			
			V1-26	2341054,903	599174,806			
			V1-27	2341052,148	599233,486			
			V1-28	2341042,472	599266,570			
			V1-29	2341048,862	599269,880			
			V1-30	2341084,694	599325,001			
			V1-31	2341085,603	599354,008			
			V1-32	2341113,575	599364,098			
			V1-33	2341124,604	599352,131			
			V1-34	2341215,548	599377,421			

<i>Vị trí 2 (108.000 m²)</i>		
V2-01	2340875,165	599042,080
V2-02	2340860,898	599062,768
V2-03	2340854,460	599077,550
V2-04	2340872,233	599086,947
V2-05	2340847,217	599183,173
V2-06	2340828,226	599179,332
V2-07	2340789,472	599204,054
V2-08	2340782,179	599230,124
V2-09	2340755,945	599246,114
V2-10	2340710,835	599253,673
V2-11	2340718,636	599237,615
V2-12	2340691,204	599211,615
V2-13	2340676,723	599211,269
V2-14	2340665,725	599213,485
V2-15	2340667,459	599221,842
V2-16	2340599,494	599258,213
V2-17	2340523,745	599276,697
V2-18	2340475,109	599282,645
V2-19	2340480,724	599268,840
V2-20	2340436,433	599209,822
V2-21	2340425,484	599221,819
V2-22	2340397,441	599180,245
V2-23	2340392,644	599147,365
V2-24	2340401,227	599146,622
V2-25	2340400,502	599126,037
V2-26	2340411,435	599128,812
V2-27	2340427,431	599060,872
V2-28	2340473,349	599031,993
V2-29	2340481,318	599042,029
V2-30	2340505,921	599010,702
V2-31	2340487,651	598993,702
V2-32	2340505,945	598974,537
V2-33	2340514,989	598960,914
V2-34	2340506,797	598941,975

			V2-35	2340541,472	598938,784			
			V2-36	234061,937	598963,662			
			V2-37	2340571,482	598968,933			
			V2-38	2340588,888	598967,617			
			V2-39	2340629,243	598961,754			
			V2-40	2340672,032	598995,643			
			V2-41	2340739,304	599010,968			
			V2-42	2340745,628	599003,366			
			V2-43	2340800,336	598990,817			
			V2-44	2340826,446	599004,651			
			V2-45	2340826,160	599009,681			
			V2-46	2340849,120	599020,215			
			<i>Vị trí 3 (65.000 m²)</i>					
			V3-01	2340702,821	599362,483			
			V3-02	2340700,359	599397,761			
			V3-03	2340647,624	599457,263			
			V3-04	2340607,637	599489,372			
			V3-05	2340576,708	599506,657			
			V3-06	2340564,747	599490,777			
			V3-07	2340542,972	599497,609			
			V3-08	2340469,816	599546,976			
			V3-09	2340478,225	599563,575			
			V3-10	2340345,261	599635,036			
			V3-11	2340295,532	599629,169			
			V3-12	2340310,960	599554,307			
			V3-13	2340369,212	599454,756			
			V3-14	2340377,604	599460,793			
			V3-15	2340403,275	599429,979			
			V3-16	2340415,478	599432,868			
			V3-17	2340433,511	599419,923			
			V3-18	2340471,518	599368,716			
			V3-19	2340475,311	599370,998			
			V3-20	2340511,872	599312,155			
			V3-21	2340496,587	599303,465			
			V3-22	2340491,165	599294,257			

			V3-23	2340521,076	599292,271			
			V3-24	2340564,466	599281,386			
			V3-25	2340568,278	599293,610			
			V3-26	2340595,347	599285,794			
			V3-27	2340622,745	599284,490			
			V3-28	2340636,732	599289,375			
			V3-29	2340670,027	599327,115			
			V3-30	2340680,210	599349,070			
			V3-31	2340689,561	599358,621			